TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Xuân Tiên.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Văn Thị L, sinh năm: 1975
- Bị đơn: Anh Mai Văn H, sinh năm: 1978
Cùng trú tại: Tổ 13, thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
Chị L có mặt, anh H đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Văn Thị L trình bày:

Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 1998. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị không hợp nhau, anh H hay nhậu nhẹt về chửi bới vợ con. Làm về không lo cho gia đình chỉ biết bản thân, vợ chồng chị mâu thuẫn nhau đã hơn bốn năm nay. Nhưng do con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng mong anh H có ngày thay đổi. Thế nhưng anh H vẫn không thay đổi, chứng nào tật ấy. Tuy vợ chồng chị cùng sống một nhà nhưng từ tháng 6 năm 2017 đến nay đã không nói chuyện với nhau, không quan

tâm đến nhau, phần ai người đó sống. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Mai Văn H.

- Về con chung: Chị L khai vợ chồng chị có 02 con chung tên là:

1. Mai Thị Như A, sinh ngày: 09/8/1999.
2. Mai Thị Xuân T, sinh ngày: 06/02/2009.

Nguyện vọng của chị L nếu ly hôn xin được nuôi cháu T. Cháu A đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không yêu cầu tòa án điều chỉnh. Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai vợ chồng không nợ ai.

* Bị đơn anh Mai Văn H không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn. Bi đơn Mai Văn H cố tình lẫn tránh, vắng mặt.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Mai Văn H cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Mai Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý lại vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tống đạt đến người nhà của bị đơn, niêm yết tại nhà bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Văn Thị L và anh Mai Văn H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/98, quyển số 04 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/6/1998. Sau khi kết hôn, chị L xác định vợ chồng sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị L anh H không hợp nhau. Anh H hay nhậu nhẹt về chửi bới vợ con. Anh H làm về không lo cho gia đình chỉ biết bản thân mình. Vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn với nhau hơn 04 năm nay nhưng do các con anh chị còn nhỏ nên chị L đã cố gắng chịu đựng mong anh H thay đổi, thế nhưng anh H vẫn không đổi. Vợ chồng anh chị tuy cùng sống một nhà nhưng từ tháng 6 năm 2017 đến nay đã không nói chuyện với nhau, không quan tâm chăm sóc đến nhau, phần ai người đó sống. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Mai Văn H. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng anh H không đến tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Văn Thị L xin được ly hôn với anh Mai Văn H.

[3] Về con chung: Chị L khai trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có hai con chung tên là: Mai Thị Như A, sinh ngày: 09/8/1999 và Mai Thị Xuân T, sinh ngày: 06/02/2009. Nguyện vọng của chị L nếu ly hôn xin được nuôi cháu T. Cháu A đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không yêu cầu tòa án điều chỉnh. Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T cùng chị theo quy định của pháp luật. Do bị đơn anh Mai Văn H vắng mặt nên không thể biết nguyện vọng của anh H có muốn nuôi con hay không. Theo đề nghị của Kiểm sát viên và nguyện vọng của cháu T muốn sống với mẹ. Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy yêu cầu của chị L là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh Mai Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Thị Xuân T, sinh ngày: 06/02/2009 cùng chị L mỗi tháng 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng (Tương ứng với ½ mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xét xử là: 1.390.000đồng/1 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị L khai vợ chồng không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Văn Thị L phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0020608 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Anh Mai Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 146; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sư; Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Văn Thị L. Chị Văn Thị L được ly hôn với anh Mai Văn H.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao cháu Mai Thị Xuân T, sinh ngày: 06/02/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

2.2. Buộc anh Mai Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Mai Thị Xuân T, sinh ngày: 06/02/2009 cùng chị L mỗi tháng 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh H không chịu thi hành thì hàng tháng anh H còn

phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị Ln không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị L khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Văn Thị L phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0020608 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Anh Mai Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Phùng Thành